TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ - ST
Ngày 22/6/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Nguyễn Xuân Tuyến

Thư ký Toà án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ma Thanh B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Ma Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Ma Thanh B và chị Nông Thị N qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Chiêm Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 29/3/2016. Anh B và chị N được gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương và chung sống tại thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân anh B cho rằng do chị N đi làm công nhân xa nhà, không có thời gian để quan tâm, chăm sóc gia đình chồng con, giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và xảy ra nhiều cãi vã nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết,

mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Nông Thị N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh B và chị N có 01 con chung là Ma TA, sinh ngày 26/9/2016 (cháu TA ở cùng anh B kể từ khi vợ chồng ly thân), sau khi ly hôn anh B có nguyện vọng là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu TA và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ma Thanh B có mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì. Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Nông Thị N đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ của chị N), ông Nguyễn Duy K – Trưởng thôn GK và Công an xã HP, xác định chị Nông Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay chị N đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, bà N xác nhận lần gần nhất chị N về thăm nhà là vào dịp tết âm lịch năm 2022 và hiện nay không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào chị N mới trở về gia đình và địa phương. Bà N có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho chị Nông Thị N biết về việc anh Ma Thanh B có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho chị N).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ma Thanh B, cho anh Ma Thanh B được ly hôn chị Nông Thị N; về con chung: Giao cháu Ma TA, sinh ngày 26/9/2016 cho anh Ma Thanh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nông Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Anh Ma Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Nông Thị N không phải chịu án

phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ma Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nông Thị N; Chị Nông Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Nông Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị N đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị N đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị N đến Tòa án để làm việc nhưng chị N vắng mặt không có lý do, chị N đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ma Thanh B có mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn chị Nông Thị N vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Ma Thanh B và chị Nông Thị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh B và chị N chung sống tại thôn GK, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, chị N đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm chăm sóc gia đình và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, anh B xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nông Thị N.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị N đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 13/5/2022 (BL 49, 50) thấy rằng anh B và chị N đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh B và chị N không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa anh B và chị N không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia

đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ma Thanh B, cho anh B được ly hôn chị Nông Thị N.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa anh B và chị N có 01 con chung là Ma TA, sinh ngày 26/9/2016, anh B có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Chị N không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con; do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Ma TA cho anh Ma Thanh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Ma Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Nông Thị N không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Ma Thanh B, cho anh Ma Thanh B được ly hôn chị Nông Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Ma TA, sinh ngày 26/9/2016 cho anh Ma Thanh B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Ma Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Anh B đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)*

tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0003640 ngày 21/01/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (anh B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Chị Nông Thị N không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2022), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã TH (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh